

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 02, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn được Cổ phần hoá từ Xí nghiệp Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn – đơn vị trực thuộc Công ty Điện máy và Kỹ Thuật Công nghệ theo Quyết định số 15/2003/QĐ-BTM ngày 26 tháng 1 năm 2003 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001519 ngày 21 tháng 3 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất, chuẩn y việc giảm vốn điều lệ từ 5.000.000.000 VND xuống 2.520.000.000 VND ngày 23 tháng 6 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 2.520.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND ngày 9 tháng 9 năm 2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh ngày 14 tháng 4 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 80.000.000.000 VND và thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động từ 95 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 01 sang 30 Phan Chu Trinh, Phường 02 Quận Bình Thạnh ngày 30 tháng 8 năm 2008.

• **Vốn điều lệ** : 80.000.000.000 VND

• **Trụ sở hoạt động chính**

Địa chỉ : 30 Phan Chu Trinh, Phường 02, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 35107030

Fax : (84.8) 35107028

Mã số thuế : 0302887211

• **Ngành, nghề kinh doanh** :

Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trọn gói hoặc từng phần theo hình thức EPC (thiết kế, cung cấp, lắp đặt), BOT (xây dựng, vận hành, chuyển giao), BT (xây dựng, chuyển giao),... trong các lĩnh vực:

- Dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Nhiệt lạnh;
- Điện tử; Tự động hóa; Công nghệ thông tin;

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 02, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cấp, thoát nước;
- Xử lý môi trường;
- Xây dựng công nghiệp, cơ sở hạ tầng (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, sân bay...).

Tư vấn, giám sát, thẩm định, kiểm định, đào tạo trong các lĩnh vực hoạt động trên.

Dầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các công trình công ích và bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Công Ngôn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Chủ tịch
Ông Hà Thúc Hải	Thành viên
Ông Đoàn Tường Vinh	Thành viên
Ông Đặng Công Cường	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Huỳnh Hữu Lộc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Công Ngôn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 34).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 02, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



ĐẶNG CÔNG NGÔN – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 34 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản nợ quá hạn của Công ty TNHH Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung (xem thuyết minh số V.2). Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THỊE HOANG - Giám đốc điều hành
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.435.293.154	189.172.732.238
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		75.499.025.372	1.593.030.436
1. Tiền	111	V.1	70.100.625.372	1.593.030.436
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.398.400.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.304.619.793	165.721.710.040
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	160.839.123.168	157.351.052.526
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	46.123.542.257	6.088.012.060
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.341.954.368	2.282.645.454
IV. Hàng tồn kho	140		33.962.256.265	13.442.404.873
Hàng tồn kho	141	V.5	33.962.256.265	13.442.404.873
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.669.391.724	8.415.586.889
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		44.733.997	13.382.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.771.665.855	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		53.992.841	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	29.798.999.031	8.402.204.389
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.858.516.648	106.918.859.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		200.000.000	200.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		200.000.000	200.000.000
II. Tài sản cố định	220		105.009.142.701	96.604.202.692
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.395.116.201	3.091.697.529
Nguyên giá	222		6.059.972.131	5.413.890.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.664.855.930)	(2.322.192.914)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	93.103.884.355	93.103.884.355
Nguyên giá	228		93.143.358.055	93.143.358.055
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.473.700)	(39.473.700)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	8.510.142.145	408.620.808
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	5.135.415.994	5.330.431.798
Nguyên giá	241		5.850.473.942	5.850.473.942
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(715.057.948)	(520.042.144)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.347.766.646	4.784.225.123
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	4.444.066.646	80.525.123
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	5.903.700.000	4.703.700.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		166.191.307	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		166.191.307	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		476.293.809.802	296.091.591.851

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2023

(Đơn vị: VND)

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2023		Năm 2022	
		Thực hiện	Đã kế hoạch	Thực hiện	Đã kế hoạch
1. Doanh thu					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.000.000.000	100.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Doanh thu khác		5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Chi phí					
Chi phí bán hàng		10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Chi phí tài chính		2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí khác		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Lợi nhuận					
Lợi nhuận trước thuế		82.000.000.000	82.000.000.000	76.000.000.000	76.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế		61.500.000.000	61.500.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
4. Tổng cộng					
Tổng doanh thu		105.000.000.000	105.000.000.000	99.000.000.000	99.000.000.000
Tổng chi phí		18.000.000.000	18.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Tổng lợi nhuận		87.000.000.000	87.000.000.000	84.000.000.000	84.000.000.000



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		6.749.184.302	6.634.174.870
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		760.576.808	810.700.874
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		292.618.947	72.414.944
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.117.508.095)	(624.890.511)
- Chi phí lãi vay	06		15.787.128.370	22.209.808.735
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08		19.472.000.332	29.102.208.912
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(91.536.103.350)	(27.132.731.443)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(20.519.851.392)	1.867.936.336
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		153.526.297.252	6.937.328.532
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(420.440.792)	5.435.291
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.787.128.370)	(15.749.159.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.836.171.364)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		32.749.324.420	23.671.900.619
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.572.443.949)	(21.968.344.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.075.482.787	(3.265.425.101)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(9.193.743.237)	(522.410.754)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.563.541.523)	(104.225.123)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.117.508.095	624.890.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.639.776.665)	(1.745.366)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(500.000.000)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		177.577.564.799	118.985.789.779
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(145.395.182.038)	(135.761.776.070)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.919.475.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.762.907.761	(16.775.986.291)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		74.198.613.883	(20.043.156.758)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.593.030.436	21.708.602.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(292.618.947)	(72.414.944)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V1.1	75.499.025.372	1.593.030.436



ĐẶNG CÔNG NGÔN
Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SON
Lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao công nghệ trọn gói hoặc từng phần theo hình thức EPC (thiết kế, cung cấp, lắp đặt), BOT (xây dựng, vận hành, chuyển giao), BT (xây dựng, chuyển giao),... trong các lĩnh vực:

- Dây chuyền sản xuất công nghiệp;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Nhiệt lạnh;
- Điện tử; Tự động hóa; Công nghệ thông tin;
- Cấp, thoát nước;
- Xử lý môi trường;
- Xây dựng công nghiệp, cơ sở hạ tầng (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển, sân bay...).

Tư vấn, giám sát, thẩm định, kiểm định, đào tạo trong các lĩnh vực hoạt động trên.

Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các công trình công ích và bất động sản.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 82 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2012: 96 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ mười một của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Việt Nam Đồng trong năm được chuyển đổi sang Đồng Dollar Mỹ (USD) theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Tỷ giá để sử dụng để quy đổi lập Báo cáo:

Ngày 31/12/2012 là: 20.820 VND/USD

Ngày 31/12/2013 là: 21.085 VND/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VII.2.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 14 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Tài sản khác	3 - 4

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm các loại chứng khoán có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng, đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các loại chứng khoán đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục "Chi phí tài chính".

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu ghi nhận theo hợp đồng, và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	161.663.678	98.652.981
Tiền gửi ngân hàng	69.938.961.694	1.494.377.455
Các khoản tương đương tiền (*)	5.398.400.000	-
Cộng	75.499.025.372	1.593.030.436

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng lãi suất 8%/năm.

2. Phải thu khách hàng

Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn	15.927.039.662	16.827.039.662
Công ty TNHH Một thành viên Thuốc lá Sài Gòn	5.903.854.102	6.920.608.332
Công ty Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung (*)	60.128.734.852	60.128.734.852
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước		3.769.806.925
Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng IREKA (Việt Nam)	14.726.357.772	42.353.490.563
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex)	10.141.454.664	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu DANIELI CO.,LTD	4.763.817.526	
Công ty TNHH Number-one Hà Nam	11.974.650.255	
Khách hàng khác	8.623.245.075	27.351.572.192
Cộng	160.839.123.168	157.351.052.526

(*) Khoản nợ quá hạn được đảm bảo thanh toán bằng toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung theo Bản án số 10/2011/KDTM-PT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Tòa án phúc thẩm Thành phố Đà Nẵng và công văn số 93/CV-THA của Chỉ huy thi hành án dân sự Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng ngày 13 tháng 3 năm 2012. Hiện tại Chỉ huy thi hành án đang phong tỏa tài sản và thực hiện thủ tục thanh lý để thu hồi công nợ. Vì vậy Công ty không trích lập dự phòng.

3. Trả trước cho người bán

Công Ty CP Seatecco		1.304.296.150
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn Hà Nội	16.217.731.594	
Công ty TNHH XD TM Phú Gia Sinh		2.237.110.172
Công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu	5.154.020.863	
Công ty Cổ phần Khải Toàn	6.272.370.438	

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Nano Phước Thạnh	5.567.634.812	-
Công ty Cổ phần Sáng Tạo Công nghiệp	2.385.531.033	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn	7.013.779.326	-
Khác	3.512.474.191	2.546.605.738
Cộng	46.123.542.257	6.088.012.060
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Sài Gòn	1.782.140.478	426.393.330
Đặng Công Cường	-	1.850.000.000
Khác	559.813.890	6.252.124
Cộng	2.341.954.368	2.282.645.454
5. Hàng tồn kho		
Công cụ, dụng cụ	17.107.650	17.107.650
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.711.721.675	13.191.870.283
Hàng hóa	233.426.940	233.426.940
Cộng	33.962.256.265	13.442.404.873
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng nhân viên	1.217.302.214	1.314.080.995
Ký quỹ bảo lãnh công trình	28.581.696.817	7.088.123.394
Cộng	29.798.999.031	8.402.204.389
7. Tài sản cố định hữu hình		

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.036.549.340	465.664.721	2.718.902.000	991.668.763	201.105.619	5.413.890.443
Tăng trong năm	-	-	1.017.284.000	44.409.091	180.000.000	1.241.693.091
Giảm trong năm	-	-	-	324.611.403	271.000.000	595.611.403
Số cuối năm	1.036.549.340	465.664.721	3.736.186.000	711.466.451	110.105.619	6.059.972.131
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	194.353.020	320.472.622	862.473.430	807.788.223	137.105.619	2.322.192.914
Khấu hao trong năm	51.827.472	65.868.071	348.289.245	57.201.216	42.375.000	565.561.004
Giảm trong năm	-	-	-	153.522.988	69.375.000	222.897.988
Số cuối năm	246.180.492	386.340.693	1.210.762.675	711.466.451	110.105.619	2.664.855.930

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Số đầu năm	842.196.320	145.192.099	1.856.428.570	183.880.540	64.000.000	3.091.697.529
Số cuối năm	790.368.848	79.324.028	2.525.423.325	-	-	3.395.116.201

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	93.103.884.355	39.473.700	93.143.358.055
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	39.473.700	39.473.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	39.473.700	39.473.700
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.103.884.355	-	93.103.884.355
Số cuối năm	93.103.884.355	-	93.103.884.355

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP HCM để đảm bảo cho khoản tiền vay Ngân hàng (xem thuyết minh V.13).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	13.080.908	1.017.284.000	1.030.364.908	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	395.539.900	8.176.459.237	61.856.992	8.510.142.145
Cộng	408.620.808	9.193.743.237	1.092.221.900	8.510.142.145

10. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	5.850.473.942	5.850.473.942
Tăng trong năm	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	5.850.473.942	5.850.473.942
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	520.042.144	520.042.144
Tăng trong năm	195.015.804	195.015.804
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	715.057.948	715.057.948
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	5.330.431.798	5.330.431.798
Số cuối năm	5.135.415.994	5.135.415.994

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, TP HCM để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (xem thuyết minh V.13).

11. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn - Hà Nội	2.977.441.546	80.525.123
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Đà Nẵng Sài Gòn	1.466.625.100	-
Cộng	4.444.066.646	80.525.123

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu(%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ(%)
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn - Hà Nội	Số 33 Ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Đà Nẵng Sài Gòn	Số 10 Cách Mạng Tháng 8, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	100	100

12. Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty liên kết	5.903.700.000	4.703.700.000
Cộng	5.903.700.000	4.703.700.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và kỹ thuật Sài Gòn	95 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp HCM	39	39

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309709722 ngày 26/01/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư và kỹ thuật Sài Gòn 39 tỷ đồng, tương đương 39% vốn điều lệ. Đến thời điểm này Công ty đã thực góp 5,9 tỷ đồng.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng	84.784.177.452	90.259.494.691
- Ngân hàng BIDV (1)	21.021.891.887	23.647.499.917
- Ngân hàng Việt Á	-	55.591.992.160
- Ngân hàng An Bình (2)	63.762.285.565	3.490.822.885
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam	-	7.529.179.729
- <i>Vay cá nhân(3)</i>	20.524.000.000	-
Cộng	105.308.177.452	90.259.494.691

(1) Ngân hàng BIDV

Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 88/2013/HĐ ngày 11 tháng 7 năm 2013

Hạn mức tín dụng :	100.000.000.000 VND
Mục đích sử dụng vốn vay:	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn hạn mức cho vay:	12 tháng
Thời hạn vay :	Theo từng Khế ước nhận nợ
Lãi suất tiền vay :	Theo từng Khế ước nhận nợ

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 95 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM.
- Tài sản cố định hữu hình: Xe Mercedes S 350

(2) Ngân hàng Việt Á

Hợp đồng cấp hạn mức ngắn hạn số 0887/13/TD/I.17 ngày 05 tháng 09 năm 2013

Hạn mức tín dụng:	90.000.000.000 VND.
Mục đích sử dụng vốn vay:	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, bảo lãnh.
Thời hạn vay:	12 tháng.
Lãi suất tiền vay:	Theo từng Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. HCM theo định giá của ABB là 68.929.000.000 VND;

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 90 Nguyễn Công Trứ, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. HCM theo định giá của ABB 4.134.000.000 VND;

(3) **Vay cá nhân:** Vay cá nhân trong Công ty với lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng.

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ams Ferrari S.r.l	-	5.844.057.591
Shanghai Nanyang Electrical Equipment Co.,LTD	1.869.191.545	1.845.743.698
Pioneer Machinery Co.,Ltd	2.846.255.750	2.810.551.240
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	29.561.359.795	-
Công ty Cổ phần Điện Trường Giang	12.267.940.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện và Chiếu sáng Hồng Phúc	9.756.829.319	-
Công ty TNHH Điện Lim Kim Hai (VN)	3.096.877.790	-
Long Durable Machinery Co., Ltd (Taiwan)	232.216.563	917.214.200
Kejuruferaan Power Well	1.011.401.625	-
Công ty TNHH Powerwell Việt Nam	95.240.344	4.861.845.639
Khác	16.646.180.508	24.663.655.098
Cộng	<u>77.383.493.239</u>	<u>40.943.067.466</u>

15. Người mua trả tiền trước

Ban Quản lý dự án DTXD Trụ sở Bộ Ngoại giao	116.218.900.085	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Gia Bảo	505.411.308	-
Công ty Kumho Industrial	14.391.388.828	-
Văn phòng Tỉnh Ủy Tây Ninh	4.470.891.000	-
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	776.363.636	-
Danieli & C Officine Meccaniche S.P.A	-	7.364.567.200
Khác	365.970.330	405.078.998
Cộng	<u>136.728.925.187</u>	<u>7.769.646.198</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.311.113	520.871.006	551.182.119	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.123.673.506	1.123.673.506	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt (*)	-	87.052.371	107.299.686	(20.247.315)
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	-	238.005.534	271.751.060	(33.745.526)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	771.129.741	1.836.171.364	771.129.741	1.836.171.364
Thuế thu nhập cá nhân	60.421.335	1.127.238.281	760.813.422	426.846.194
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các loại thuế khác	-	21.621.800	21.621.800	-
Cộng	861.862.189	4.962.633.862	3.615.471.334	2.209.024.717

(*) Khoản thuế được trình bày ở khoản mục "Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước"

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng : 10%

- Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	6.460.649.634
Chi phí công trình	15.399.329.932	25.554.073.249
Cộng	15.399.329.932	32.014.722.883

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	102.819.232	37.685.592
Bảo hiểm xã hội	42.956.540	104.038.752
Bảo hiểm y tế	22.293.810	19.507.266
Bảo hiểm thất nghiệp	9.908.360	8.669.896
Công ty Xây lắp và CN Tàu thủy Miền Trung	2.603.205.374	2.603.205.374
Đặng Thị Phó Châu (mượn tiền)	4.000.000.000	-
Nguyễn Thu Hương (mượn tiền)	2.500.000.000	-
Phải trả khác	53.409.141	20.842.321
Cộng	9.334.592.457	2.793.949.201

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>		
Vay ngân hàng Việt Á		24.400.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng An Bình (1)	11.012.500.000	
Ông Đặng Công Cường (2)	30.521.200.000	
Cộng	41.533.700.000	24.400.000.000

(1) Hợp đồng cấp hạn mức trung hạn số 0886/13/TD/L17 ngày 05 tháng 09 năm 2013

Hạn mức tín dụng: 13.712.500.000 VND.

Mục đích sử dụng vốn vay: Tái tài trợ khoản đầu tư mua bất động sản tại 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh.

Thời hạn vay: 12 tháng.

Lãi suất tiền vay: Theo từng Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 30 Phan Chu Trinh, phường 2, quận Bình Thạnh, TP. HCM theo định giá của ABB là 68.929.000.000 VND;

Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 90 Nguyễn Công Trứ, phường 19, quận Bình Thạnh, TP. HCM theo định giá của ABB 4.134.000.000 VND;

Tài sản riêng của Ông Đặng Công Ngôn và Bà Nguyễn Thị Thu Trang là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 38 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, TP. HCM theo định giá của ABB 7.440.000.000 VND.

Thư bảo lãnh của các thành viên Hội đồng quản trị.

(2) Vay dài hạn Ông Đặng Công Cường với lãi suất 0%, thời hạn vay 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo hành	620.160.334	506.256.684
Chi phí trước dự án	608.202.485	336.972.984
Cộng	1.228.362.819	843.229.668

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	9.349.399.751	7.588.586.895
Chi phí đồ dùng văn phòng	234.079.805	178.445.388
Chi phí khấu hao TSCĐ	565.561.004	615.685.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.259.494.222	2.472.305.439
Chi phí bằng tiền khác	685.318.356	395.237.344
Cộng	14.093.853.138	11.250.260.136

7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác**Thu nhập khác**

Thanh lý TSCĐ	120.000.000	6.000.000
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.770.063.137	277.203.120
Thu do chiết khấu thanh toán	-	135.638.494
Khác	4.146.001	26.927.757
Cộng	3.894.209.138	445.769.371

Chi phí khác

Chi phí thanh lý TSCĐ	151.125.000	-
Chi phí tư vấn pháp lý	-	10.000.000
Chi phí bị phạt vi phạm hợp đồng	507.862.830	2.146.694.117
Chi phí khác	-	15.003.000
Cộng	658.987.830	2.171.697.117

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

3.235.221.308	(1.725.927.746)
----------------------	------------------------

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.399.410.383	153.193.089.544
Chi phí nhân công	14.714.366.047	13.870.258.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	565.561.004	615.685.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.667.757.818	9.587.108.282
Chi phí khác bằng tiền	1.232.718.687	732.210.328
Cộng	212.579.813.939	177.998.351.947

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan***Giao dịch với các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
Hội đồng quản trị	Thành viên	Cho mượn	30.521.200.000	30.521.200.000
Hội đồng quản trị	Thành viên	Tiền lương, thưởng	904.635.542	-
Công ty Cổ phần ĐT và KT Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	1.200.000.000	5.903.700.000
Công ty Cổ phần ĐT và KT Sài Gòn	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán tài sản	-	16.827.039.662
Công ty TNHH KT CN Sài Gòn - Hà Nội	Công ty con	Góp vốn	2.896.916.423	2.977.441.546
Công ty TNHH MVT KT CN Đà Nẵng Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	1.466.625.100	1.466.625.100

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 và V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Châu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.499.025.372	1.593.030.436
Phải thu khách hàng	160.839.123.168	157.351.052.526
Các khoản phải thu khác	2.341.954.368	2.282.645.454
Tài sản ngắn hạn	29.798.999.031	8.402.204.389
Phải thu dài hạn khác	200.000.000	200.000.000
Đầu tư dài hạn	10.347.766.646	4.784.225.123
Cộng	279.026.868.585	174.613.157.928
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	105.308.177.452	90.259.494.691
Phải trả cho người bán	77.383.493.239	40.943.067.466
Chi phí phải trả	15.399.329.932	32.014.722.883
Các khoản phải trả khác	9.334.592.457	2.793.949.201
Vay và nợ dài hạn	41.533.700.000	24.400.000.000
Cộng	248.959.293.080	190.411.234.241

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá khác

Công ty không có rủi ro về giá khác.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công cụ nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	105.308.177.452	-	-	105.308.177.452
Phải trả cho người bán	77.383.493.239	-	-	77.383.493.239
Chi phí phải trả	15.399.329.932	-	-	15.399.329.932
Các khoản phải trả khác	9.334.592.457	-	-	9.334.592.457
Vay dài hạn	-	41.533.700.000	-	41.533.700.000
Cộng	207.425.593.080	41.533.700.000	-	248.959.293.080

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.499.025.372	-	-	75.499.025.372
Phải thu khách hàng	160.839.123.168	-	-	160.839.123.168
Các khoản phải thu khác	2.341.954.368	-	-	2.341.954.368
Tài sản ngắn hạn khác	29.798.999.031	-	-	29.798.999.031
Phải thu dài hạn khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	10.347.766.646	10.347.766.646
Cộng	268.479.101.939	200.000.000	10.347.766.646	279.026.868.585
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối năm	61.053.508.859	(41.333.700.000)	10.347.766.646	30.067.575.505
Số đầu năm				
Vay và nợ	90.259.494.691	-	-	90.259.494.691
Phải trả cho người bán	40.943.067.466	-	-	40.943.067.466
Chi phí phải trả	32.014.722.883	-	-	32.014.722.883
Các khoản phải trả khác	2.793.949.201	-	-	2.793.949.201
Vay dài hạn	-	24.400.000.000	-	24.400.000.000
Cộng	166.011.234.241	24.400.000.000	-	190.411.234.241
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.593.030.436	-	-	1.593.030.436
Phải thu khách hàng	157.351.052.526	-	-	157.351.052.526
Các khoản phải thu khác	2.282.645.454	-	-	2.282.645.454
Tài sản ngắn hạn khác	8.402.204.389	-	-	8.402.204.389
Phải thu dài hạn khác	-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	4.784.225.123	4.784.225.123
Cộng	169.628.932.805	200.000.000	4.784.225.123	174.613.157.928
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu năm	3.617.698.564	(24.200.000.000)	4.784.225.123	(15.798.076.313)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

30 Phan Chu Trinh, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2014

ĐẶNG CÔNG NGÔN
Tổng Giám đốc

ĐOÀN TƯỜNG VINH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SƠN
Lập biểu